

TỈNH ỦY KHÁNH HÒA
BAN CHỈ ĐẠO
VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Khánh Hòa, ngày 28 tháng 7 năm 2026

Số 11-KH/BCĐ

KẾ HOẠCH

**Triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn
về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW, ngày 11/7/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 48-NQ/TU, ngày 20/02/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Quyết định số 320-QĐ/TU, ngày 06/4/2026 của Tỉnh ủy Khánh Hòa về kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 346-QĐ/TU, ngày 24/4/2026 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo tỉnh;

Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) ban hành Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị tỉnh Khánh Hòa, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời Kế hoạch số 05-KH/BCĐTW; tập trung xử lý dứt điểm các điểm nghẽn thuộc thẩm quyền của tỉnh, tạo chuyển biến thực chất trong 100 ngày.

b) Tạo bước chuyển rõ rệt trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, điều hành và phục vụ của 4 khối cơ quan: Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; bảo đảm hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền 2 cấp vận hành đồng bộ, thông suốt, an toàn, dựa trên dữ liệu.

c) Đổi mới phương thức quản trị theo sản phẩm đầu ra, mức độ sử dụng thực tế và giá trị mang lại; giảm thao tác thủ công, giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí cho cơ quan, cán bộ, người dân, doanh nghiệp.

d) Thiết lập kỷ luật, nguyên tắc thống nhất trong quản trị dữ liệu, hạ tầng, nền tảng số và bảo đảm an ninh mạng; khắc phục đầu tư phân tán, cát cứ dữ liệu, trùng lặp hệ thống và tình trạng nguồn lực đã bố trí nhưng triển khai, giải ngân chậm.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả. Người đứng đầu cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về sản phẩm cuối cùng; cơ quan phối hợp chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ nội dung được phân công.

b) Nhiệm vụ chỉ được xác nhận hoàn thành khi có sản phẩm đáp ứng yêu cầu, có minh chứng kiểm chứng được. Đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng và dịch vụ số, sản phẩm phải vận hành được, có dữ liệu, có người sử dụng thực tế và bước đầu phát huy hiệu quả.

c) Ưu tiên sử dụng nền tảng dùng chung, tích hợp, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu; không đầu tư mới hệ thống, phần mềm, cơ sở dữ liệu trùng chức năng khi đã có nền tảng dùng chung đáp ứng yêu cầu.

d) Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật nhà nước ngay từ khâu thiết kế; các hệ thống thuộc phạm vi quản lý phải được xác định, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ.

đ) Cập nhật, giám sát tiến độ hằng tuần, hằng tháng trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết tại địa chỉ theodoinq.dcs.vn; báo cáo phải nêu rõ sản phẩm, minh chứng, nhiệm vụ chậm, nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp xử lý.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN

1. Phạm vi: Các điểm nghẽn thuộc 10 nhóm vấn đề: thể chế; hạ tầng số; dữ liệu số; nền tảng số; dịch vụ công trực tuyến; kinh tế số; xã hội số; nguồn nhân lực; tài chính và giải ngân; kỷ luật thực thi và tuân thủ.

2. Đối tượng: Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, sở, ban, ngành; Công an tỉnh; Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo.

3. Thời gian: 100 ngày làm việc, từ ngày 10/7/2026 đến hết ngày 30/11/2026.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện về tiến độ, chất lượng, sản phẩm đầu ra và kết quả thực hiện; trực tiếp chỉ đạo, phân công một đồng chí lãnh đạo phụ trách và xác định đầu mối thường trực để tổ chức triển khai.

b) Chủ động xây dựng tiến độ chi tiết, huy động và điều phối nguồn lực; thực hiện đồng thời các thủ tục về đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ, tạo lập dữ liệu, đào tạo, bảo đảm an ninh mạng và giải ngân; không chờ có đủ mọi điều kiện mới bắt đầu triển khai.

c) Đối với nhiệm vụ liên ngành, cơ quan chủ trì chủ động phân công rõ trách nhiệm, sản phẩm, thời hạn của từng cơ quan phối hợp; kịp thời tháo gỡ khó khăn hoặc báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh đối với vấn đề vượt thẩm quyền, có nguy cơ ảnh hưởng tiến độ chung.

d) Định kỳ hằng tuần tự kiểm tra, đánh giá tiến độ; nhiệm vụ có nguy cơ chậm từ 05 ngày trở lên phải có phương án khắc phục và báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp. Trường hợp đã áp dụng biện pháp khắc phục nhưng không thể hoàn thành đúng hạn do nguyên nhân khách quan, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước ngày 30/10/2026.

2. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

Tập trung triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo Kế hoạch số 38-KH/TU và kế hoạch của cơ quan, đơn vị; ưu tiên vận hành Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, 04 thủ tục hành chính của Đảng, Cơ sở dữ liệu đảng viên và Sổ tay đảng viên điện tử; chuẩn hóa quy trình, số hóa hồ sơ, bảo đảm hạ tầng, chữ ký số, an toàn thông tin và nâng cao kỹ năng số.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ thuộc khối chính quyền; ưu tiên xử lý các điểm nghẽn về hạ tầng, dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, trang thiết bị cấp xã, an toàn thông tin và giải ngân; định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh.

4. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh

a) Thiết lập bảng theo dõi tiến độ 100 ngày; hướng dẫn biểu mẫu báo cáo, tiêu chí xác nhận nhiệm vụ hoàn thành, quy tắc cập nhật minh chứng và cơ chế cảnh báo sớm.

b) Theo dõi thường xuyên nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ có nguy cơ chậm; tổng hợp hằng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh; đề xuất công khai danh sách nhiệm vụ chậm, cơ quan chậm.

c) Chủ trì điều phối liên khối, tổ chức họp chuyên đề tháo gỡ khó khăn; sau khi kết thúc 100 ngày, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, trình Ban Chỉ đạo tỉnh và báo cáo Trung ương theo quy định.

5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Tham mưu đưa kết quả thực hiện Kế hoạch này thành tiêu chí đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân, người đứng đầu; phối hợp tham mưu nội dung đánh giá gắn với KPI dựa trên dữ liệu theo hướng dẫn của Trung ương.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các biểu hiện hình thức, chậm trễ, thiếu trách nhiệm.

7. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy định hướng tuyên truyền Kế hoạch này; tham mưu kịp thời biểu dương, lan tỏa các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; Chủ trì, phối hợp với Báo Khánh Hòa, Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa cùng các cơ quan báo chí đẩy mạnh tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, chuyên trang, chuyên mục; trọng tâm là các gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhằm tạo sự đồng thuận và huy động cán bộ, đảng viên, nhân dân tích cực tham gia.

8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh: Triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân đối với chất lượng dịch vụ công trực tuyến và kết quả chuyển đổi số trên địa bàn.

Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo theo dõi, đôn đốc triển khai Kế hoạch; tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả sau 100 ngày thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo TW (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; Công an tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

BÍ THƯ TỈNH ỦY
kiêm

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Trần Phong



Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRONG TÂM TRIỂN KHAI TRONG 100 NGÀY
(Kèm theo Kế hoạch số 11-KH/BCĐ, ngày 28/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
I	NHÓM THỂ CHẾ, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH					
1.	Khẩn trương hoàn thành các Nghị quyết về KHCN, ĐMST và CDS.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Các cơ quan liên quan	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân	30/11/2026	NV 2
2.	Rà soát, ban hành Khung kiến trúc số cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan	Quyết định UBND tỉnh (sau khi ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số)	30/11/2026	NV3
3.	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bãi bỏ các quy định, quy trình nội bộ không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu chuyển đổi số.	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Danh mục các quy định cần sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ; báo cáo đề xuất xử lý	30/9/2026	NV 5
II.	NHÓM HẠ TẦNG SỐ					
4.	Triển khai thực hiện Quy chế về tổ chức, quản lý, sử dụng và bảo vệ hệ thống mạng máy tính của Đảng (sau khi Ban Bí thư ban hành Quy chế mới thay thế Quy chế số 07-QC/TW, ngày 31/10/2025 của Ban Bí thư)	Văn phòng Tỉnh ủy	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các đảng ủy trực thuộc	Quy chế của tỉnh được cập nhật, ban hành	30 ngày sau khi Trung ương ban hành	NV 6
5.	Xây dựng, triển khai quy chế về quản lý, vận hành và khai thác sử dụng nền tảng kết nối, liên thông mạng mật của các cơ quan trong hệ thống chính trị trong khối cơ quan Đảng, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các đảng ủy trực thuộc	Quy chế của tỉnh được cập nhật, ban hành	30 ngày sau khi Trung ương ban hành	NV 7
6.	Rà soát, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục,	Sở Khoa học và	Doanh nghiệp viễn	Danh mục, phương án được	05/8/2026	NV 9

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	phương án xử lý các điểm lồm sóng tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo, y tế công lập; gửi Bộ Khoa học và Công nghệ	Công nghệ	thông; UBND xã, phường; các cơ sở liên quan	phê duyệt và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ		
7.	Rà soát, báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục và phương án xử lý các điểm thiếu điện tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Danh mục và các phương án xử lý các điểm thiếu điện được phê duyệt (nếu có). Trường hợp không có thì tham mưu UBND tỉnh văn bản báo cáo Bộ Công Thương	05/8/2026	NV 9
8.	Hoàn thành xử lý các điểm thiếu điện tại trụ sở cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập tại các điểm ưu tiên (nếu có)	Sở Công Thương	Các cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh	Hoàn thành xử lý các điểm thiếu điện tại các điểm ưu tiên (nếu có)	30/11/2026	NV9
9.	Hoàn thành xử lý các điểm lồm sóng (Thôn Ninh Đảo, Ninh Tân và Điệp Sơn thuộc xã Đại Lãnh), thiếu điện tại các điểm ưu tiên (vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số)	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương	Doanh nghiệp viễn thông, điện lực; UBND xã, phường	100% điểm lồm sóng, thiếu điện được xử lý	30/11/2026	NV 9
10.	Rà soát, xử lý các vùng chưa phủ cáp quang băng rộng cố định phục vụ chuyển đổi số tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; UBND xã, phường	100% xã có cáp quang băng rộng	30/11/2026	NV 9
11.	Xây dựng phương án bảo đảm nguồn cung điện phục vụ trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao có dự báo nhu cầu đến năm 2030 (nếu có)	Sở Công Thương	Sở KHCN, Sở Tài chính, Công an tỉnh, Công ty Điện lực	Báo cáo và phương án bảo đảm nguồn cung điện được trình cấp có thẩm quyền, trong đó xác định rõ khu vực, công suất, lộ trình đầu tư, cơ chế giá và phương án dự phòng nguồn điện	30/10/2026	NV 10
12.	Rà soát, thống kê nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối, máy tính, phần	Các cơ quan, đơn vị thuộc 04 khối	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Báo cáo nhu cầu của từng cơ quan, địa phương	30/7/2026	NV 11

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	mềm phần mềm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, phù hợp với yêu cầu công việc, góp phần đáp ứng vận hành thông suốt chính quyền 02 cấp; ưu tiên phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp, gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	(Đảng, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam) và UBND xã, phường				
13.	Tổng hợp nhu cầu đầu tư, mua sắm, nâng cấp... toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị, địa phương	Báo cáo tổng hợp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ	30/7/2026	NV 11
14.	Bố trí kinh phí mua sắm, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối; các cơ quan hoàn thành mua sắm, bảo đảm 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công, cán bộ giải quyết TTHC có thiết bị đạt yêu cầu	Các Sở, ban, ngành và UBND xã, phường	Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan ở địa phương đảm bảo trang thiết bị đầu cuối cho Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp gửi Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, rà soát nguồn kinh phí và khả năng cân đối ngân sách, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30/8/2026; các cơ quan, đơn vị thực hiện mua sắm theo nhiệm vụ được giao	30/11/2026	NV 11
15.	Kiểm kê trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ của các cơ quan thuộc 04 khối; đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn, hiệu suất, chi phí; xây dựng phương án chuyển dịch hoặc dừng hạ tầng nhỏ lẻ, kém hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Sở Tài chính; Văn phòng Tỉnh ủy; các cơ quan chủ quản	100% trung tâm dữ liệu, phòng máy chủ được kiểm kê; có phương án giai đoạn 2026-2027.	30/10/2026	NV 12
16.	Rà soát, phê duyệt cấp độ an toàn 100% hệ thống thông tin của tỉnh; cập nhật dữ liệu phục vụ Bản đồ cấp độ an ninh mạng quốc gia	Công an tỉnh; các cơ quan chủ quản hệ thống	Sở Khoa học và Công nghệ	100% hệ thống có hồ sơ cấp độ được phê duyệt, cập nhật lên bảng điều hành	30/9/2026	NV 13

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
17.	Kết nối các hệ thống quan trọng của tỉnh với đầu mối giám sát 24/7; chia sẻ thông tin giám sát an ninh mạng với Trung tâm An ninh mạng quốc gia (tối thiểu hệ thống cấp độ 3 trở lên); định kỳ kiểm tra tài khoản, phân quyền	Công an tỉnh, Đơn vị vận hành hệ thống (Sở KH&CN, Văn phòng UB tỉnh,...)	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan chủ quản hệ thống	Hoàn thành kết nối; báo cáo kiểm tra định kỳ	30/11/2026	NV 15
18.	Kiểm tra, đánh giá hệ thống mạng gửi, nhận, xử lý và lưu trữ văn bản mật của khối đảng. Cảnh báo sớm, thường xuyên các nguy cơ rủi ro an ninh thông tin trên 100% các hệ thống số cấp độ 4, cấp độ 5 (Địa phương phối hợp)	Bộ Công an	Công an tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	Văn bản xác nhận đủ điều kiện vận hành; kết quả diễn tập	Xây dựng kế hoạch và triển khai theo kế hoạch của Bộ Công an	NV 16
19.	Tổ chức diễn tập liên khối về phòng, chống tấn công mạng, lộ lọt dữ liệu, gián đoạn hệ thống thông tin trọng yếu và khôi phục sau sự cố. (Địa phương phối hợp)	Bộ Công an	Công an tỉnh, Các cơ quan 4 khối cấp tỉnh;	Văn bản xác nhận đủ điều kiện vận hành; kết quả diễn tập.	Xây dựng kế hoạch và triển khai	NV 17
III.	DỮ LIỆU SỐ					
20.	Ban hành khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ liệu của tỉnh theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; Văn phòng Tỉnh ủy	Khung kiến trúc, khung quản trị, từ điển dữ liệu của tỉnh được cập nhật	15/11/2026	NV 19
21.	Chuẩn hóa, đối soát, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi tỉnh phục vụ hoàn thiện 12 CSDL theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy, Sở KHCN, Sở Tư pháp	Tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện được làm sạch, đồng bộ	30/11/2026	NV 20
22.	Triển khai hoàn thiện 104 CSDL theo Nghị quyết số 11/NQ-CP theo yêu cầu của bộ, cơ quan chủ quản	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường chủ quản CSDL	Công an tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy, Sở KHCN, Sở Tư pháp	Tối thiểu 80% dữ liệu đủ điều kiện đồng bộ.	30/11/2026	NV 21
23.	- Chuẩn hóa, làm sạch, đối soát dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên toàn đảng bộ tỉnh; bảo đảm dữ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy; Công an tỉnh; các đảng	Tối thiểu 98% dữ liệu được chuẩn hóa, đồng bộ	30/11/2026	NV 22

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	liệu phục vụ Sở tay đảng viên điện tử - Làm sạch, chuẩn hoá, đối soát dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên.		ủy trực thuộc			
24.	Hoàn thiện CSDL cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	Sở Nội vụ	Công an tỉnh; các cơ quan, đơn vị	100% hồ sơ CBCCVC được chuẩn hóa, kết nối	30/11/2026	NV 23
25.	Triển khai Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh vào vận hành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kho dữ liệu giai đoạn 1 hoạt động; tối thiểu 05 nguồn dữ liệu kết nối	30/11/2026	NV 24
26.	Chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu đoàn viên, hội viên, tổ chức cơ sở, giám sát - phản biện, phản ánh kiến nghị của Nhân dân; kết nối thử nghiệm với hệ thống của Đảng và CSDL quốc gia liên quan	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Văn phòng Tỉnh ủy; Công an tỉnh	Dữ liệu được làm sạch; kết nối thử nghiệm thành công	30/11/2026	NV 25
27.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc và quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống, dữ liệu; xác định rõ phân quyền, trách nhiệm cập nhật, khai thác và chia sẻ dữ liệu.	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc	Văn phòng Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	100% quy trình nghiệp vụ chủ yếu được rà soát; danh mục quy trình số hóa.	30/11/2026	KH 38- KH/TU
IV	NỀN TẢNG SỐ					
28.	Rà soát, đưa các TTHC lên dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương hoạt động thống nhất, thông suốt, ổn định;	Văn phòng UBND tỉnh, Các sở, ban, ngành liên quan	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Cải thiện Cổng Dịch vụ công QG và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được kết nối, vận hành ổn định, thông suốt; các lỗi, điểm nghẽn ảnh hưởng đến việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả TTHC	Hoàn thành trước ngày 30/9/2026 và duy trì liên tục	NV 30
29.	Phối hợp với Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ	Văn phòng UBND	Công an tỉnh, các sở,	Theo yêu cầu phối hợp của Bộ	Theo thời gian	NV 31

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia và các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành, địa phương hoạt động thống nhất, thông suốt, ổn định; công khai giám sát theo thời gian thực về chất lượng dịch vụ và trải nghiệm người dùng gắn với trách nhiệm cụ thể của từng đơn vị giải quyết TTHC	tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	ban, ngành, UBND xã, phường	Công an	yêu cầu của Bộ Công an	
30.	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ phát triển công cụ độc lập để đánh giá mức độ sử dụng và thu thập phản hồi của người sử dụng; ưu tiên tích hợp công cụ vào các nền tảng số quốc gia liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị	Công cụ được tích hợp, có số liệu sử dụng, phản hồi sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ cung cấp cho địa phương	15/10/2026	NV 32
31.	Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ rà soát các nền tảng dùng chung quốc gia đang triển khai; ban hành tiêu chí và yêu cầu kỹ thuật bảo đảm khả năng, đăng nhập một lần qua VneID	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND xã, phường	Văn bản triển khai	30/9/2026	NV 33
32.	Vận hành ổn định, thống nhất Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp trong các cơ quan Đảng; chuẩn hóa tài khoản, luồng xử lý, sổ văn bản; thực hiện gửi, nhận, xử lý, ký sổ văn bản không mật điện tử toàn trình.	Văn phòng Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống; đơn vị cung cấp dịch vụ	Hệ thống vận hành thông suốt từ tỉnh đến cấp xã; có số liệu người dùng, tỷ lệ văn bản xử lý toàn trình và nhật ký hỗ trợ.	30/9/2026	KH 38-KH/TU; KH 81-KH/TU
V	DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN					
33.	Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử	Văn phòng UBND tỉnh	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường	Thứ hạng của tỉnh được cải thiện qua từng tháng	Thường xuyên	NV 35

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
34.	Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ hoàn thành tái cấu trúc 80 TTHC còn lại theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; sửa đổi quy định, quy trình nội bộ và biểu mẫu trên cơ sở dữ liệu đã có	Các cơ quan, đơn vị liên quan đến 80 TTHC còn lại tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	Văn phòng UBND tỉnh (theo dõi, đôn đốc, tổng hợp chung)	Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ hoàn thành tái cấu trúc 80 TTHC còn lại theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; sửa đổi quy định, quy trình nội bộ và biểu mẫu trên CSDL đã có	Các cơ quan, đơn vị liên quan đến 80 TTHC còn lại tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP	NV36
35.	Phối hợp kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các cơ sở dữ liệu có nhu cầu khai thác phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; tự động điền, xác thực, tái sử dụng dữ liệu, không yêu cầu công dân nộp lại giấy tờ đã có	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	100% TTHC đủ điều kiện khai thác dữ liệu từ CSDL	30/8/2026	NV 37
36.	Rà soát triển khai vận hành 04 TTHC của Đảng trên môi trường điện tử tại đảng bộ tỉnh theo lộ trình của Trung ương; rà soát, tái cấu trúc TTHC của Đảng theo Quy định số 338-QĐ/TW	Văn phòng Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các ban đảng; các đảng ủy trực thuộc	Danh mục thủ tục hành chính của Đảng được rà soát; quy trình tái cấu trúc và lộ trình thực hiện trên môi trường điện tử được phê duyệt	30/11/2026	NV 39, 40
VI	KINH TẾ SỐ					
37.	Phối hợp Bộ Công Thương xây dựng thí điểm CSDL tập trung về thương mại điện tử; kết nối dữ liệu dân cư, thuế, hải quan và phản ánh vi phạm; hỗ trợ quản lý hàng giả, gian lận và bảo vệ người tiêu dùng	Sở Công Thương	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Thuế tỉnh; Hải quan	Văn bản phối hợp, cung cấp dữ liệu theo yêu cầu	30/9/2026	NV 41
38.	Xây dựng, công bố danh mục dữ liệu mở và dịch vụ dữ liệu có thể khai thác an toàn; chuẩn hóa, công bố tài liệu API và điều kiện sử dụng	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành chủ quản dữ liệu; doanh nghiệp, viện, trường	Danh mục dữ liệu mở, tài liệu API được công bố	30/11/2026	NV 42
VII	XÃ HỘI SỐ					

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
39.	Triển khai chuẩn dữ liệu học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ số, mã định danh người học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sẵn sàng đăng ký tham gia thí điểm xác thực trên VNeID	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công an tỉnh; UBND xã, phường; các cơ sở giáo dục	Dữ liệu ngành giáo dục được chuẩn hóa; văn bản đăng ký thí điểm	30/10/2026	NV 43
40.	Triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên VNeID tại 100% cơ sở khám, chữa bệnh; chuẩn hóa, liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, bảo hiểm	Sở Y tế	Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh; các cơ sở y tế	100% cơ sở khám, chữa bệnh sử dụng Sổ sức khỏe điện tử ổn định	30/11/2026	NV 44
41.	Mở rộng sử dụng Mặt trận số 24/7 đến 100% xã, phường; tiếp nhận, chuyển xử lý và theo dõi kết quả phản ánh, kiến nghị của Nhân dân, ưu tiên tiếp cận người yếu thế, vùng khó khăn	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các tổ chức chính trị - xã hội; UBND xã, phường; Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	100% xã, phường sử dụng; phản ánh được theo dõi trạng thái xử lý	30/11/2026	NV 45
VIII	NGUỒN NHÂN LỰC					
42.	Phối hợp tổ chức cho cán bộ tham mưu, chuyên trách, vận hành hệ thống, giải quyết TTHC tham gia đào tạo về dữ liệu, an ninh mạng, trí tuệ nhân tạo trên Nền tảng Bình dân học vụ số; có kiểm tra kết quả đầu ra (Địa phương phối hợp)	Bộ Công an, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Công an tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan thuộc 04 khối; địa phương	Tối thiểu 95% đối tượng hoàn thành, đạt yêu cầu; thống kê theo cơ quan, vị trí việc làm; kết quả được thống kê theo cơ quan, vị trí việc làm.	30/10/2026	NV 46
43.	Triển khai đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách chuyên đổi số, an ninh mạng theo Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	Các sở, ban, ngành, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, UBND các xã, phường	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	100% người đủ điều kiện được rà soát, lập danh sách, phê duyệt và thực hiện chế độ hỗ trợ theo quy định; các vướng mắc về hướng dẫn, thủ tục được xử lý	15/8/2026	NV 47
44.	Tổng hợp, thẩm định danh sách đối tượng được hưởng mức hỗ trợ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng hỗ trợ	31/8/2026	NV 47

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
45.	Ban hành Kế hoạch khắc phục tình trạng trình độ lao động không đồng đều giữa các nhóm lao động khác nhau, (nhất là nhóm lao động ở các xã miền núi)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch	31/12/2026	Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 27/01/2026
IX	TÀI CHÍNH, GIẢI NGÂN					
46.	Rà soát, hoàn thiện phương án phân bổ, giao dự toán đối với số kinh phí năm 2026 đã được bố trí nhưng chưa phân bổ, chưa giao dự toán cho các nhiệm vụ chuyển đổi số; ưu tiên cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung, an toàn, an ninh mạng, trang thiết bị thiết yếu và các nhiệm vụ cấp bách được Đảng, Nhà nước giao, bảo đảm đúng quy định, đúng trọng tâm, tránh dàn trải, trùng lặp, lãng phí	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các cơ quan, đơn vị, địa phương	Văn bản báo cáo UBND tỉnh về tình hình và đề xuất phương án phân bổ, giao dự toán	15/8/2026	NV 48
47.	Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh dự toán đối với số kinh phí năm 2026 đã được bố trí nhưng chưa phân bổ, chưa giao dự toán cho các nhiệm vụ chuyển đổi số	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định giao dự toán được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.	15/8/2026	NV48
X	KỶ LUẬT THỰC THI					
48.	Vận hành bảng theo dõi tiến độ 100 ngày làm việc; hằng tháng công khai các nhiệm vụ chậm, cơ quan chậm	Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo	Các cơ quan, địa phương	Báo cáo tháng; bảng phân loại nhiệm vụ theo trạng thái: đúng tiến độ, có nguy cơ chậm và chậm tiến độ; đường dẫn minh chứng của từng nhiệm vụ	Báo cáo đầu tiên trước ngày 25/7/2026; cập nhật hằng tháng	NV 49
49.	Tổng hợp, tham mưu báo cáo của Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh báo cáo kết quả triển khai thực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo	Theo đề nghị của cơ quan cấp	NV 49

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời hạn	NV theo KH 05-KH/BCĐTW
	hiện Kế hoạch hoạt động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số				trên	
50.	Tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nhắc nhở, phê bình các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ chậm, muộn	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Văn bản phê bình, nhắc nhở	Khi có nhiệm vụ chậm muộn	NV 49
51.	Tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng cho các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ sau khi hoàn thành 100 ngày triển khai kế hoạch Kế hoạch hoạt động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Sở Nội vụ	Quyết định khen thưởng	30/11/2026	NV 49
52.	Xây dựng nội dung đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị gắn với KPI/OKR dựa trên dữ liệu.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Nội vụ	Các cơ quan, địa phương	Nội dung đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị gắn với KPI/OKR dựa trên dữ liệu.	30/9/2026	NV 50
53.	Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng theo sản phẩm đầu ra, dữ liệu vận hành và mức độ sử dụng; gắn kết quả với đánh giá tập thể, cá nhân và người đứng đầu.	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy	Kế hoạch/đợt kiểm tra; bảng tiến độ, tỷ lệ sử dụng, chất lượng sản phẩm; kiến nghị chấn chỉnh nhiệm vụ chậm hoặc thiếu minh chứng.	30/11/2026	KH 38-KH/TU; KH05 NV49-50